

Số: 1179/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 04 tháng 8 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Nghệ An  
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Pháp lệnh số 01/2018/UBTVQH14 ngày 22 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 Pháp lệnh có liên quan đến quy hoạch;*

*Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;*

*Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về triển khai thi hành Luật Quy hoạch năm 2017;*

*Căn cứ Nghị quyết số 69/NQ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 8 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ về việc ban hành Danh mục các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, vùng quy hoạch, quy hoạch tỉnh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch;*

*Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An tại Tờ trình số 4988/TTr-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2020 về việc đề nghị phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Báo cáo thẩm định số 4402/BC-HĐTĐ ngày 09 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh và Báo cáo số 432/BC-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về tiếp thu, giải trình ý kiến của Hội đồng thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với các nội dung sau:

### **I. TÊN QUY HOẠCH**

Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

### **II. PHẠM VI, THỜI KỲ QUY HOẠCH**

1. Phần lãnh thổ đất liền tỉnh Nghệ An rộng 16.482 km<sup>2</sup>, được giới hạn như sau:

- Phía Bắc: giáp tỉnh Thanh Hóa.
- Phía Đông: giáp Biển Đông.
- Phía Nam: giáp tỉnh Hà Tĩnh.
- Phía Tây: giáp các tỉnh Bolikhamsai, Xieng Khouang và Houaphanh của nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.

Có tọa độ địa lý khoảng từ 18°33' đến 20°01' vĩ độ Bắc, 103°52' đến 105°48' kinh độ Đông; phần không gian biển: được xác định trên cơ sở Luật Biển Việt Nam năm 2012; Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về việc giao các khu vực biển cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

2. Thời kỳ lập quy hoạch

- Thời kỳ lập quy hoạch: 2021 - 2030.
- Tầm nhìn dài hạn: Đến năm 2050.

### **III. QUAN ĐIỂM, NGUYÊN TẮC, MỤC TIÊU LẬP QUY HOẠCH**

1. Quan điểm, nguyên tắc:

a) Việc lập “Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050” phải bảo đảm phù hợp với quan điểm, mục tiêu, định hướng của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 của cả nước; Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và phát triển bền vững;

b) Thúc đẩy việc đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế; chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên cơ sở khai thác hiệu quả tiềm năng và lợi thế so sánh của tỉnh; phát huy lợi thế vị trí chiến lược, tiềm năng kinh tế biển; xây dựng hệ thống đô thị, nông thôn, kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; bảo tồn, phát huy giá trị các di tích lịch sử, di sản văn hoá đặc trưng;

c) Đảm bảo liên kết tổng thể giữa các ngành, lĩnh vực và tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội liên huyện trên phạm vi toàn tỉnh; tăng cường hợp tác, liên kết với các tỉnh trong vùng Bắc Trung Bộ, cả nước và quốc tế, đặc biệt là hợp tác giao thương với Lào và Thái Lan; đẩy mạnh hội nhập quốc tế, khai thác, tận dụng hiệu quả các lợi ích và cơ hội phát triển từ các Hiệp định thương mại mà Việt Nam đã ký kết (CTPPP, EVFTA...);

d) Quy hoạch phải phù hợp với khả năng huy động vốn, sử dụng hiệu quả nguồn lực của địa phương và các nguồn lực từ bên ngoài; phù hợp với nguyên tắc thị trường trong quản lý và phân bổ nguồn lực phát triển; đảm bảo tính thích ứng, linh hoạt trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch;

đ) Gắn phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh, bình đẳng giới, giảm nghèo, nâng cao mức sống vật chất, thụ hưởng văn hóa, tinh thần của người dân; khai thác và sử dụng hợp lý, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên; bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

## 2. Mục tiêu:

a) Việc lập Quy hoạch nhằm định hướng phát triển, sắp xếp không gian và phân bổ nguồn lực cho các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường ở cấp tỉnh, liên huyện và định hướng bố trí trên địa bàn cấp huyện trên địa bàn tỉnh; hướng tới mục tiêu phát triển tỉnh Nghệ An là trung tâm về tài chính, thương mại, du lịch, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, y tế, văn hóa, thể thao, công nghiệp công nghệ cao của vùng Bắc Trung Bộ theo tinh thần của Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 30 tháng 7 năm 2013 của Bộ Chính trị;

b) Cụ thể hóa, kết nối đồng bộ, thống nhất phương hướng tổ chức không gian và phát triển của các ngành, lĩnh vực trên phạm vi lãnh thổ tỉnh đã được đề ra trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng; tạo cơ sở cho việc triển khai lập quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trên địa bàn tỉnh, nhằm đảm bảo tính liên kết, đồng bộ, kế thừa, ổn định và hệ thống giữa các quy hoạch. Loại bỏ các quy hoạch chồng chéo ảnh hưởng đến đầu tư phát triển;

c) Là công cụ để chính quyền các cấp của tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện và thống nhất trong việc hoạch định chính sách và kiến tạo động lực phát triển; là căn cứ để nhà đầu tư, doanh nghiệp và người dân đầu tư, kinh doanh, sản xuất, qua đó huy động hiệu quả mọi nguồn lực để phát triển tỉnh.

## IV. NỘI DUNG CỦA QUY HOẠCH

### 1. Yêu cầu về nội dung của Quy hoạch:

a) Định hướng phát triển, sắp xếp không gian và phân bố nguồn lực cho các hoạt động kinh tế - xã hội phải đồng bộ với quy hoạch cấp quốc gia, cấp vùng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững trên cả 3 trụ cột: Kinh tế, xã hội và môi trường; phù hợp với bối cảnh hội nhập quốc tế, các cam kết trong các điều ước quốc tế đa phương và song phương mà Việt Nam là thành viên;

b) Đảm bảo tính liên kết, đồng bộ, khai thác và sử dụng hiệu quả hệ thống kết cấu hạ tầng hiện có giữa các ngành và các vùng liên huyện, các địa phương trên địa bàn tỉnh; xác định cụ thể các khu vực sử dụng cho mục đích quân sự, quốc phòng, an ninh ở cấp tỉnh, liên huyện và định hướng bố trí trên địa bàn cấp huyện;

c) Xây dựng và cụ thể hóa các quan điểm chỉ đạo về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội; chú trọng thúc đẩy phát triển các khu vực có điều kiện khó khăn, đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; đảm bảo sinh kế bền vững, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân; phân bổ, khai thác và sử dụng hợp lý, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên gắn với bảo tồn các giá trị lịch sử - văn hóa, di sản thiên nhiên cho các thế hệ hiện tại và tương lai;

d) Ứng dụng công nghệ hiện đại, số hóa, kết nối, chia sẻ hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong quá trình lập quy hoạch; đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, kỹ thuật và phù hợp với yêu cầu phát triển, hội nhập quốc tế và liên kết vùng.

### 2. Các nội dung chính của quy hoạch:

Nội dung chủ yếu của Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 thực hiện theo các quy định tại Điều 27 Luật Quy hoạch và Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh Nghệ An;

b) Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng hệ thống đô thị và nông thôn;

c) Đánh giá thực trạng phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội;

d) Xây dựng quan điểm, xác định mục tiêu và lựa chọn các phương án phát triển, phương án quy hoạch, phương hướng phát triển các ngành quan trọng và phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh gồm:

- Quan điểm, mục tiêu và lựa chọn phương án phát triển tỉnh.

- Phương hướng phát triển các ngành quan trọng trên địa bàn tỉnh.
  - Xây dựng và lựa chọn các phương án sau:
    - + Phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội.
    - + Phương án quy hoạch và phát triển hệ thống đô thị, nông thôn, các khu vực và khu chức năng; phương án tổ chức lãnh thổ và phân bố dân cư (thực hiện theo đúng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch năm 2017).
    - + Phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội (thực hiện theo đúng quy định tại các điểm đ, e, g, h, i, k khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch năm 2017).
    - + Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện.
    - + Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện.
    - + Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng hóa sinh học trên địa bàn tỉnh.
    - + Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên trên địa bàn tỉnh.
    - + Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.
    - + Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.
    - + Danh mục dự án ưu tiên đầu tư của tỉnh và thứ tự thực hiện.
    - + Hệ thống các giải pháp, nhiệm vụ và nguồn lực thực hiện quy hoạch.
- đ) Yêu cầu về các nội dung đề xuất: Các nội dung đề xuất nghiên cứu để đưa vào quy hoạch tỉnh phải có cơ sở khoa học, phù hợp với thực tiễn địa phương, xuất phát từ nhu cầu phát triển, yêu cầu quản lý nhà nước tại địa phương. Các nội dung đề xuất cần tập trung làm rõ các phương hướng phát triển không gian kinh tế - xã hội các đơn vị hành chính cấp huyện và các vùng đặc trưng, phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực có thế mạnh, đặc thù của tỉnh Nghệ An.

## **V. PHƯƠNG PHÁP LẬP QUY HOẠCH**

### **1. Yêu cầu về phương pháp lập Quy hoạch:**

Quy hoạch được lập dựa trên phương pháp tiếp cận hệ thống, tổng hợp, đa chiều, đa lĩnh vực, đảm bảo các yêu cầu về tính khoa học, tính phù hợp, tính thực tiễn và ứng dụng công nghệ hiện đại.

## 2. Các phương pháp lập Quy hoạch:

Các phương pháp cơ bản sau được sử dụng trong quá trình lập Quy hoạch:

- Phương pháp điều tra, khảo sát, thu thập thông tin, phân loại, thống kê, xử lý thông tin;
- Phương pháp dự báo, xây dựng phương án phát triển;
- Phương pháp tích hợp quy hoạch;
- Phương pháp thông tin địa lý, bản đồ (GIS);
- Phương pháp phân tích hệ thống, phương pháp so sánh, tổng hợp, mô hình tối ưu, mô hình toán, phân tích ma trận SWOT;
- Phương pháp chuyên gia, hội nghị, hội thảo và tham vấn các bên liên quan;
- Các phương pháp khác phù hợp với quy trình kỹ thuật lập quy hoạch tỉnh.

## **VI. THÀNH PHẦN, CHI PHÍ VÀ TIẾN ĐỘ LẬP QUY HOẠCH**

### 1. Thành phần hồ sơ

#### a) Phần văn bản:

- Tờ trình thẩm định và phê duyệt quy hoạch.
- Báo cáo thuyết minh quy hoạch (báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt).
- Dự thảo quyết định phê duyệt quy hoạch.
- Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược (thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường).
- Các phụ lục và văn bản pháp lý liên quan.

#### b) Bản đồ và sơ đồ phân tích:

- Bản đồ in tỷ lệ 1:250.000 - 1:1.000.000: Bản đồ vị trí và các mối quan hệ của tỉnh Nghệ An.
- Bản đồ số và bản đồ in, tỷ lệ 1:25.000 - 1:100.000:
  - + Các bản đồ về hiện trạng phát triển.
  - + Bản đồ đánh giá tổng hợp đất đai theo các mục đích sử dụng.
  - + Bản đồ phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn.
  - + Bản đồ phương án tổ chức không gian và phân vùng chức năng.

- + Bản đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội.
  - + Bản đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật.
  - + Bản đồ phương án quy hoạch sử dụng đất.
  - + Bản đồ phương án thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên.
  - + Bản đồ phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu.
  - + Bản đồ phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện.
  - + Bản đồ tổ chức không gian lãnh thổ du lịch của tỉnh.
  - + Bản đồ vị trí các dự án và thứ tự ưu tiên thực hiện.
  - + Một số bản đồ chuyên đề khác.
  - Các sơ đồ nghiên cứu phân tích quy hoạch.
- c) Cơ sở dữ liệu quy hoạch (đĩa CD).

2. Chi phí lập quy hoạch: Thực hiện theo quy định hiện hành.

3. Tiến độ lập quy hoạch: Không quá 24 tháng kể từ ngày nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An căn cứ nội dung nhiệm vụ được phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này, tổ chức lập Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đảm bảo phù hợp quy định của Luật Quy hoạch năm 2017 và các quy định hiện hành, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình lập quy hoạch, Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An chủ động phối hợp, cập nhật thông tin với quy hoạch cấp cao hơn để điều chỉnh, bổ sung mục tiêu, nhiệm vụ đảm bảo phù hợp với yêu cầu thực tiễn, tính thống nhất, đồng bộ giữa các cấp quy hoạch theo quy định tại Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch năm 2017.

2. Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Tài nguyên và Môi trường và các bộ, ngành, cơ quan liên quan, theo chức năng, nhiệm vụ được giao và quy định hiện hành hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An triển khai thực hiện lập Quy hoạch.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 4.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Tỉnh ủy, HĐND tỉnh Nghệ An;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý, Thư ký TTg, các Phó TTg, các Vụ, Cục, TGĐ Công TTĐT;
- Lưu: VT, QHĐP (2). Thuy 41

